TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 21 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2018/TLST - HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Vũ Văn S SN 1979**
- Bị đơn: **Chị Nguyễn Hoài T SN 1978**
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Cháu Vũ Mạnh H SN 2003**

Người đại diện của cháu H: Chị T

Đều trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện A, Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/8/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Hoài T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Hoài T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Dạ N SN 04/8/2000 và Vũ

Mạnh H SN 07/2/2003. Cháu N đã thành niên nên anh chị không đề nghị Tòa giải quyết. Anh chị thỏa thuận để chị T nuôi cháu H đến khi thành niên, anh S cấp dưỡng nuôi con cho chị T 1.000.000 đ/tháng kể từ tháng 08/2018 cho đến khi cháu H thành niên. Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh S chậm trả khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Anh S tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STDS và 150.000đ án phí cấp dưỡng (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000047 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A). Anh S đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện A.*
- *THA dân sự huyện A*
- *UBND xã Đ*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

Phạm Bá Hân